



海底捞火锅
Nhà hàng lẩu Haidilao

CÔNG TY TNHH HAI DI LAO VIET NAM HOLDINGS - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0108392659-001

Địa chỉ (Address): Lô 09, 10, 11, 12 Tầng 2, TTTM ICON 68, số 2, đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận
1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: ynkfzxb@superhi-inc.com

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày (Date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): MI-25-LR7K7-00000081934

Ký hiệu (Serial): 1C25MYC

Số (No.): 00081934

(Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền)

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN THỊNH CAPITAL

Mã số thuế (Tax code): 0317369572

Địa chỉ (Address): Tầng 12B, Tòa nhà Cienco4, 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam



Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Điện thoại (Tel):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK/TM

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá trước chiết khấu (Unit price)	Tiền chiết khấu (Discount amount)	Thành tiền trước thuế GTGT (Total amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Total amount with VAT)
1	Lẩu Nấm	Nồi	1,00	110.000,00	6.866,42	103.133,58	8%	8.250,69	111.384,27
2	Lẩu Thái	Nồi	1,00	100.000,00	6.242,19	93.757,81	8%	7.500,62	101.258,43
3	Ba chỉ bò (Nửa phần)	Phần	1,00	100.000,00	6.242,19	93.757,81	8%	7.500,62	101.258,43
4	Thịt bò Haidilao	Phần	1,00	200.000,00	12.484,40	187.515,60	8%	15.001,25	202.516,85
5	Trứng cút	Phần	1,00	60.000,00	3.745,31	56.254,69	8%	4.500,37	60.755,06
6	Tôm phi thủy	Phần	1,00	180.000,00	11.235,96	168.764,04	8%	13.501,12	182.265,16
7	Cá Diêu Hồng	Phần	1,00	200.000,00	12.484,40	187.515,60	8%	15.001,25	202.516,85
8	Mực nang Baby	Phần	1,00	100.000,00	6.242,19	93.757,81	8%	7.500,62	101.258,43
9	Đậu phụ phô mai	Phần	1,00	100.000,00	6.242,19	93.757,81	8%	7.500,62	101.258,43
10	Rau thập cẩm	Phần	1,00	50.000,00	3.121,09	46.878,91	8%	3.750,31	50.629,22
11	Múa mì	Phần	1,00	20.000,00	20.000,00	0,00	8%	0	0,00
12	Đậu phụ phô mai (Nửa phần)	Phần	1,00	50.000,00	50.000,00	0,00	8%	0	0,00
13	Gia vị tự chọn	Người	4,00	40.000,00	9.987,52	150.012,48	8%	12.001,00	162.013,48
14	Không dùng gia vị	Phần	2,00	0,00	0,00	0,00	8%	0	0,00
15	Phục vụ coi bàn	Người	1,00	0,00	0,00	0,00	8%	0	0,00
16	Thịt bò Haidilao	Phần	1,00	200.000,00	12.484,40	187.515,60	8%	15.001,25	202.516,85
17	Cá basa phi lê Haidilao	Phần	1,00	140.000,00	8.739,08	131.260,92	8%	10.500,87	141.761,79
18	Túi Tiên May Mẩn Trứng Cá (Nửa Phần)	Phần	1,00	80.000,00	4.993,75	75.006,25	8%	6.000,50	81.006,75
19	Múa mì	Phần	1,00	20.000,00	20.000,00	0,00	8%	0	0,00
20	Múa mì	Phần	1,00	20.000,00	20.000,00	0,00	8%	0	0,00

**CÔNG TY TNHH HAI DI LAO VIET NAM HOLDINGS - CHI NHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Mã số thuế (Tax code): 0108392659-001

Địa chỉ (Address): Lô 09, 10, 11, 12 Tầng 2, TTTM ICON 68, số 2, đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận
1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: ynkfzxb@superhi-inc.com

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ngày (Date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): MI-25-LR7K7-00000081934

Ký hiệu (Serial): 1C25MYC

Số (No.): 00081934

(Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền)

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN THỊNH CAPITAL

Mã số thuế (Tax code): 0317369572

Địa chỉ (Address): Tầng 12B, Tòa nhà Cienco4, 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Điện thoại (Tel):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK/TM

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá trước chiết khấu (Unit price)	Tiền chiết khấu (Discount amount)	Thành tiền trước thuế GTGT (Total amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Total amount with VAT)
Tỷ lệ CK (Discount rate):				11,70%		Số tiền chiết khấu (Discount amount):		221.111,09	
Tổng hợp (In sumary)				Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)		Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không kê khai thuế GTGT (Not required to declare, pay VAT):									
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):									
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):									
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):									
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):				1.668.888,91		133.511,09		1.802.400,00	
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):									
Thuế suất KHÁC (Other VAT rates):									
Tổng cộng (Total):				1.668.888,91		133.511,09		1.802.400,00	
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):				một triệu tám trăm lẻ hai ngàn bốn trăm đồng					

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): ALH3I00NEEVA

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150